TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1675/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2024, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc H, sinh ngày 28/7/1989; CCCD số A cấp ngày 05/8/2022; nơi thường trú: 14/14A ấp A, xã X (ấp D2, xã T, huyện Hóc Môn cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Trường T, sinh ngày 01/5/1990; CCCD số B cấp ngày 10/9/2020; nơi thường trú: 14/14A ấp A, xã X (ấp D2, xã T, huyện Hóc Môn cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 12/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là bà Dương Ngọc H trình bày:

Bà Dương Ngọc H và ông Nguyễn Phạm Trường T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 238 ngày 30/10/2012. Vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, gây ra nhiều khoản nợ. Năm 2019 bà đã nộp hồ sơ ly hôn tại Tòa án nhưng rút đơn để vợ chồng có thêm cơ hội thay đổi, hàn gắn nhưng không thành, mối quan hệ giữa vợ chồng ngày càng xấu hơn, mâu thuẫn tăng lên, do mâu thuẫn quá trầm trọng nên ông T về ở nhà cha mẹ ruột sát bên nhưng chung địa chỉ. Vợ

chồng chính thức sống ly thân từ khoảng tháng 3/2021, không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau nên không thể đoàn tụ. Vì vậy, bà cương quyết xin được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống, nuôi con. Vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Khả T, sinh ngày 09/10/2013, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Vợ chồng bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Bị đơn ông Nguyễn Phạm Trường T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Dương Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Trường T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, trình bày của đương sự có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của vợ chồng bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Con chung sinh năm 2013 là con gái, đang ở với bà H và bà H tự nguyện không yêu cầu ông T đóng góp phí tổn nuôi con. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, xác định không có nợ chung. Vì vậy, yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn đang cư trú tại xã X (xã T, huyện Hóc Môn cũ) nên đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 Thành phố Hồ Chí Minh, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Phạm Trường T được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 238 ngày 30/10/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà H cương quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 và không quan tâm, chăm sóc nhau. Ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập số 312/GTT ngày 20/11/2024, Thông báo về phiên họp số 43/2025/TB-TA ngày 08/4/2025 nhưng không có ý kiến phản hồi. Đại diện Ban nhân dân ấp 4 (ấp Dân Thắng 2 cũ), xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn xác định địa phương không được trình báo nên không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng, không có thông tin về con chung giữa bà H và ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Ngọc H đã được động viên đoàn tụ vợ chồng, tạo thêm cơ hội để hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn gia đình để cùng chăm lo cho con chung nhưng bà H vẫn cương quyết xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng bà đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể đoàn tụ.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là có thật, đã kéo dài, đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ, khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ lời khai của bà H kèm bản sao Giấy khai sinh số 769 ngày 09/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, có căn cứ xác định vợ chồng bà H và ông T có 01 con chung là Nguyễn Khả T, sinh ngày 09/10/2013.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp thực tế con chung đang ở với bà H, phù hợp với nguyện vọng của con chung tại bản tự khai ngày 26/12/2024 muốn được tiếp tục ở với bà H, đồng thời bà H có việc làm và thu nhập ổn định theo Hợp đồng lao động số 243/2024/HĐLĐ-NS ngày 05/10/2024 ký với Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

Ông T không có ý kiến phản hồi về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không có cơ sở xem xét. Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định:*"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ"*. Ông T không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải tự chịu trách nhiệm.

[7] Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Dương Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Ngọc H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Phạm Trường T.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Khả T, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013.

Giao cho bà Dương Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khả T, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Phạm Trường T cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Ngọc H phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0047592 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Dương Ngọc H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV8, TP.HCM;
- THADS KV8, TP.HCM;
- UBND xã Đ (xã T, huyện Hóc Môn cũ), TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.